Phụ lục 1. Danh mục các thuốc cần có biên bản Hội chẩn khi sử dụng cho bệnh nhân

STT	STT TT40	Tên hoạt chất	Hàm lượng	Tên thương mại	ĐVT	Đường dùng	Nước SX	Đơn giá có VAT
	01. THUỐC ĐIỀU TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN							
1	197	Amikacin*	500mg/2 ml	Amikacin 250mg/ml	Ống	Tiêm	Bulgaria	40.890,00
2	197	Amikacin*	500mg/2 ml	Vinphacine	ống	Tiêm	Việt Nam	8.694,00
3	168	Cefepim*	1g	Cefpas	Lọ	Tiêm truyền	Ấn độ	37.450,00
4	168	Cefepim*	1g	Midoxime 1g	Lọ	Tiêm truyền	Việt Nam	17.892,00
5	171	Cefoperazon*	1g	Cefobid Inj 1g 1's	Lọ	Tiêm	Ý	125.700,00
6	171	Cefoperazon	1g	Medocef 1g	Lọ	Tiêm	Síp	47.500,00
7	172	Cefoperazon + Sulbactam*	500mg + 500mg	Sulperazone IM/IV Inj 1g 1's	Lọ	Tiêm	Ý	205.000,00
8	172	Cefoperazon + Sulbactam*	1g + 1g	BASULTAM	Lọ	Tiêm	Cyprus	187.900,00
9	172	Cefoperazon + Sulbactam*	500mg + 500mg	Hwasul Inj	Lọ	Tiêm	Hàn Quốc	35.850,00
10	172	Cefoperazon + Sulbactam*	500mg + 500mg	Spreabac	Lọ	Tiêm	Việt Nam	10.600,00
11	183	Ceftriaxon*	1g	Rocephin 1g I.V.	Lọ	Tiêm	Thụy Sỹ	181.440,00
12	183	Ceftriaxon*	1g	Tartriakson 1g	Chai/lọ/ống	Tiêm	Ba Lan	19.300,00
13	249	Colistimethat*	1.000.000IU	Colistin TZF 1.000.000 IU	Lọ	Tiêm	Ba Lan	378.000,00
14	187	Ertapenem*	1g	Invanz Inj 1g 1's	Lọ	Tiêm	Pháp đóng gói Indonesia	552.421,00
15	188	Imipenem + Cilastatin*	500mg + 500mg	Mixipem 500mg/500mg	Lọ	Tiêm	Italy	148.445,00
16	188	Imipenem + Cilastatin*	500mg + 500mg	Lastinem	Lọ	Tiêm	Ấn Độ	105.945,00
17	188	Imipenem, Cilastatin sodium*	500mg, 500mg	Tienam Via 500mg 1s	Lọ	Tiêm	Mỹ, đóng gói Úc	370.260,00

STT	STT TT40	Tên hoạt chất	Hàm lượng	Tên thương mại	ĐVT	Đường dùng	Nước SX	Đơn giá có VAT
18	228	Levofloxacin*	500mg/100ml	TAVANIC 500mg Inj B/1 Bottle x 100ml	Chai	Tiêm truyền	Đức	179.000,00
19	228	Levofloxacin*	500mg/100ml	Levofloxacino G.E.S. 5mg/ml	Túi	Tiêm truyền	Spain	90.000,00
20	253	Linezolid*	600mg	Zyvox 600mg/300ml Inj 300ml 10's	Túi	Tiêm	Na Uy	957.000,00
21	189	Meropenem*	0.5g	Meronem Inj 500mg 10's	Lọ	Tiêm truyền	Ý đóng gói Thụy Sỹ, Anh	464.373,00
22	189	Meropenem*	1g	Meronem Inj 1g 10's	Lọ	Tiêm truyền	Ý đóng gói Thụy Sỹ, Anh	803.723,00
23	189	Meropenem*	0.5g	Meiunem 0.5g	Lọ	Tiêm truyền	Nhật Bản	160.000,00
24	231	Moxifloxacin*	400mg/250ml	Avelox Inj 400mg/ 250ml 1's	Chai	Tiêm truyền	Đức	367.500,00
25	231	Moxifloxacin*	400mg/ 250 ml	Mikrobiel	Chai	Tiêm truyền	Hy Lạp	299.500,00
26	272	Peginterferon alpha 2a*	180mcg	Pegasys	Syringe	Tiêm	Thụy Sỹ	1.950.000,00
27	192	Piperacilin + Tazobactam*	4g+0.5g	Tazocin Inj 4.5g	Lọ	Tiêm truyền	Ý	223.700,00
28	192	Piperacilin + Tazobactam*	4g+0,5g	PIPERACILLIN TAZOBACTAM KABI 4G/0.5G	Lọ	Tiêm truyền	Portugal	85.995,00
29	192	Piperacilin + Tazobactam*	4g+0,5g	Tazopelin 4,5g	Lọ	Tiêm truyền	Việt Nam	66.276,00
30	257	Teicoplanin*	400mg	TARGOCID 400mg	Lọ	Tiêm	Ý	430000
31	258	Vancomycin*	1g	Vancomycin hydrochloride for infusion	Lọ	Tiêm	Đan Mạch	89.600,00
32	258	Vancomycin*	1g	Thuốc tiêm Korea United Vancomycin HCl 1g	Lọ	Tiêm	Hàn Quốc	103.000,00
	02. THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ VÀ ĐIỀU HÒA MIỄN DỊCH							
33	399	Triptorelin acetat*	3.75mg	Diphereline P.R. 3.75mg 1's	Lọ	Tiêm	Pháp	2.557.000,00

STT	STT TT40	Tên hoạt chất	Hàm lượng	Tên thương mại	ĐVT	Đường dùng	Nước SX	Đơn giá có VAT
34	399	Triptorelin acetat*	11.25mg	Diphereline P.R. 11.25mg 1's	Lọ	Tiêm	Pháp	7.700.000,00
	03. DUNG DỊCH ĐIỀU CHỈNH NƯỚC, ĐIỆN GIẢI, CÂN BẰNG ACID-BASE VÀ CÁC DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN KHÁC							
35	1011	Acid amin*	5%-250ml	Aminoplasmal B.Braun 5% E 250ml	Chai	Tiêm truyền	Đức	67.725,00
36	1011	Acid amin*	5%-500ml	Alvesin 5E	Chai	Tiêm truyền	Đức	107.000,00
37	1011	Acid amin*	5%-250ml	AMINOACID KABI 5% 250ML	Chai	Tiêm truyền	Việt Nam	44.100,00
38	1011	Acid amin*	10%-250ml	Amigold Inj. 10% 250ml Polypro 10's	Túi nhựa	Tiêm truyền	Hàn Quốc	65.000,00
39	1011	Acid amin*	8.5%-500ml	JW Amigold 8,5% Injection	Túi	Tiêm truyền	Hàn Quốc	87.000,00
40	1011	Acid amin*	10%-500ml	Amigold 10% Polypro. Inj. 500ml 10's	Túi nhựa	Tiêm truyền	Hàn Quốc	92.000,00
41	1011	Acid amin (dùng cho bệnh nhân suy gan)*	7.585%-200ml	Morihepamin	Túi	Tiêm truyền	Nhật	116.632,00
42	1011	Acid amin (dùng cho bệnh nhân suy gan)*	8%-250ml	Hepagold	Túi	Tiêm truyền	Korea	92.900,00
43	1011	Acid amin (Dùng cho bệnh nhân suy thận)*	7%-250ml	Nephrosteril Inf 250ml 1's	Chai	Tiêm truyền	Áo	112.000,00
44	1011	Acid amin (Dùng cho bệnh nhân suy thận)	6.1%-200ml	Neoamiyu	Túi	Tiêm truyền	Nhật	116.258,00
45	1012	Hỗn hợp acid amin + Hỗn hợp Glucose*	40g+80g-1000ml	Nutriflex Peri 1000ml	Túi	Tiêm truyền	Thụy sỹ	385.000,00

STT	STT TT40	Tên hoạt chất	Hàm lượng	Tên thương mại	ĐVT	Đường dùng	Nước SX	Đơn giá có VAT
46	1013	Hỗn hợp acid amin + Hỗn hợp Glucose + lipid*	20%+11.3%+11%-1440ml	Combilipid Peri Injection	Túi	tiêm truyền	Hàn Quốc	435.000,00
47	1013	LIPID + ACID AMIN + GLUCOSE*	10%+5.5%+20%, 1000ml	Oliclinomel N4-550E	Túi	tiêm truyền	Bỉ	696.499,00